TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29/01/2024
V/v" Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Văn Sắc**

2. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên toà: ông **Trần Công Đỉnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/01/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Tuyết T**, sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Đặng Phước C**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị Tuyết T trình bày:***

Tôi và anh Đặng Phước C sống với nhau vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 02 năm mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau, anh C không có trách nhiệm với vợ con, từ đó vợ chồng phai nhạt dần về tình cảm và có lời qua tiếng lại, vợ chồng mâu thuẫn với

nhau về kinh tế, tôi đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh C vẫn không thay đổi, vợ chồng có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chúng tôi không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Đặng Phước K – sinh ngày 13/12/2007 và Đặng Phước N – sinh ngày 02/12/2010. Các cháu hiện đang sống với anh C.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về phần nợ chung: không có.

Tại phiên toà chị T yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Phước C.

- *Về quan hệ con chung:* chị T giao cháu Đặng Phước K và Đặng Phước N cho anh C nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Theo bản tự khai ngày 27/10/2023 anh Đặng Phước C trình bày:***

Anh C và chị T chung sống với nhau vào năm 2006, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có 02 người con chung là Đặng Phước K, sinh ngày 13/12/2007 và Đặng Phước N, sinh ngày 02/12/2010, hiện nay các cháu đang sống với anh C. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được và thường xuyên cự cãi nhau, chị T đã bỏ nhà đi từ năm 2015 cho đến nay.

Tại bản tự khai anh C yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân:* anh C đồng ý ly hôn với chị T.

- *Về quan hệ con chung:* anh C xin được nuôi 02 người con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Tuyết T. Không công nhận chị Phạm Thị Tuyết T và anh Đặng Phước C là vợ chồng. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Phước K, sinh ngày 13/12/2007 và Đặng Phước N, sinh ngày 02/12/2010 cho anh C trực

tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: buộc chị T phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Đặng P Chung cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Anh Đặng Phước C với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt. Xét thấy anh C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T xác nhận chị và anh C sống với nhau vào năm 2005 không có đăng ký kết hôn.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"* và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*".

Bởi vì chị T và anh C sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị T và anh C là vợ chồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: chị T xác nhận chị và anh C có 02 người con chung là Đặng Phước K, sinh ngày 13/12/2007 và Đặng Phước N, sinh ngày 02/12/2010. Tại phiên toà chị T yêu cầu giao cháu K và cháu N cho anh C nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi*

trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Hội đồng xét xử xét thấy tại bản tự khai ngày 27/10/2023 anh C yêu cầu được nuôi cháu K, cháu N, tại phiên toà chị T đồng ý giao cháu K và cháu N cho anh C nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của cháu K và cháu N là được sống với anh C. Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và anh C, nguyện vọng của cháu K và cháu N. Tiếp tục giao cháu Đặng Phước K, sinh ngày 13/12/2007 và Đặng Phước N, sinh ngày 02/12/2010 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị T không cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh C xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp, có cơ sở chấp nhận theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000472 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban T1 khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị Tuyết T và anh Đặng Phước C.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Đặng Phước K, sinh ngày 13/12/2007 và Đặng Phước N, sinh ngày 02/12/2010 cho anh Đặng Phước C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị Tuyết T không cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí HNST: Buộc chị Phạm Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0000472 ngày 26/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp;*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;*
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Ái